

Bản án số: 185/2024/DS-ST

Ngày: 23/8/2024

V/v T/C Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Tư .

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Sơn

2. Bà Tăng Thị Bạch Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Hồng Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà Lâm Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 23/8/2024, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 252/2023/TLST-DS ngày 07/6/2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 362/2024/QĐXXST- DS ngày 29/7/2024, Thông báo về việc đình chính quyết định đưa vụ án ra xét xử số 573/TB-TA ngày 06/8/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 279/2024/QĐST-DS ngày 13/8/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H, địa chỉ trụ sở: B Bis N, phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T; chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Huỳnh Nguyễn Bảo H – chức vụ: Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ (Theo quyết định uỷ quyền số 735/2021/QĐ-TGD ngày 15/4/2021 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H).

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Huỳnh Liêm E. Địa chỉ: Số A M, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (có mặt); Bà Lý Ngọc H1, địa chỉ: Số A đường T, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Minh C, sinh năm 1987 và bà Võ Thị M sinh năm 1986, cùng địa chỉ: 1 ấp A, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (đều vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Quốc H2**, sinh năm 1976. Địa chỉ: **ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng** (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2024 của **Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H** (sau đây viết tắt là **Ngân hàng**) và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì:

Ngày 24/6/2022, ông **Trần Minh C** và bà **Võ Thị M** có ký hợp đồng tín dụng số 28180/22MN/HĐTD với **Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H** cụ thể như sau: số hợp đồng: 28180/22MN/HĐTD; số khế ước: 28180/22MN/HĐTD/KUNN01; ngày giải ngân: 09/7/2022; ngày đến hạn: 08/7/2032; số tiền giải ngân: 2.600.000.000 đồng. Lãi suất vay: 18%/năm và thay đổi theo từng thời kỳ. Mục đích vay: đầu tư trại, san lấp mặt bằng. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 1551, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại: **ấp G, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng**, HĐTC số 24159/22MN/HĐBĐ ngày 24/06/2022, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 339785, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS03740 do Sở TN&MT tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 21/06/2022 và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 1552, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại: **ấp G, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng**, HĐTC số 24159/22MN/HĐBĐ ngày 24/06/2022, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 339790, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS03745 do **Sở TN&MT tỉnh S** cấp ngày 21/06/2022.

Tính đến thời điểm hiện nay, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nợ nhưng ông **Trần Minh C** và bà **Võ Thị M** vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng dẫn đến vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng.

Đến ngày 22/04/2024, tổng số tiền ông **Trần Minh C** và bà **Võ Thị M** còn nợ Ngân hàng là 2.869.474.191 đồng. Trong đó: Gốc: 2.600.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 264.448.735 đồng; Lãi quá hạn: 5.025.456 đồng.

Nhận thấy ông **Trần Minh C** và bà **Võ Thị M** đã vi phạm thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký với **H3**. Vì vậy, **H3** tiến hành khởi kiện thu hồi nợ đối với ông **Trần Minh C** và bà **Võ Thị M**.

Nay **Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H** yêu cầu Tòa án buộc ông **Trần Minh C** và bà **Võ Thị M** phải thanh toán ngay một lần toàn bộ nợ gốc và lãi cho **H3** theo hợp đồng tín dụng nêu trên với tổng số tiền là 2.983.609.220 đồng. Trong đó: Gốc: 2.600.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 364.344.083 đồng; Lãi quá hạn: 19.265.137 đồng, trong đó lãi quá hạn là 6.392.047 đồng và lãi chậm trả lãi là 13.468.088 đồng - tính đến ngày 23/8/2024) và nợ lãi quá hạn phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết với **H3** từ sau ngày 23/8/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp ông **Trần Minh C** và bà **Võ Thị M** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho **H3**, Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp

tại H3, toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo được dùng để cản trừ nghĩa vụ trả nợ của ông Trần Minh C và bà Võ Thị M đối với Ngân hàng. Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ của ông Trần Minh C và bà Võ Thị M tại H3, thì ông Trần Minh C và bà Võ Thị M phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ.

Bị đơn ông Trần Minh C và bà Võ Thị M đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia tố tụng để trình bày ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quốc H2 trình bày tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/6/2024: Ông đang sử dụng thửa đất 1551, 1552 cùng tờ bản đồ số 9 giữa ông và ông C, bà M không có giao dịch gì (thuê mượn, cầm cố...) để chuyển giao quyền sử dụng và ông cũng đồng ý giao lại các thửa đất này cho cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự và quan hệ pháp luật đang tranh chấp là chính xác, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đúng thành phần. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy tại phiên tòa bị đơn Trần Minh C, Võ Thị M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quốc H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Về nội dung vụ án: Theo nội dung tại hợp đồng tín dụng số 28180/22MN/HĐTD Ngày 24/6/2022, được ký kết giữa ông Trần minh C1, bà Võ Thị M với Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H và đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 28180/22MN/HĐTD/KUNN01 ngày 08/7/2022 thì ông Trần Minh C và bà Võ Thị M có vay của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H số tiền 2.600.000.000 đồng và đã được giải ngân toàn bộ số tiền này vào ngày 09/7/2022 ngày đến hạn: 08/7/2032. Lãi suất vay 18%/năm và thay đổi theo từng thời kỳ. Mục đích vay: đầu tư trại, san lấp mặt bằng. Nguyên đơn cho rằng tính đến ngày 23/8/2024, ông C và bà M còn nợ tổng cộng là 2.983.609.220 đồng. Trong đó: Gốc: 2.600.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 364.344.083 đồng; Lãi quá hạn: 19.265.137 đồng (trong đó lãi quá hạn là 6.392.047 đồng và lãi chậm trả lãi là 13.468.088 đồng). Ngân hàng yêu cầu ông C, bà M phải có trách nhiệm trả số tiền này. Đối với vấn đề này, ông C và bà M đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không tham gia tố tụng và cũng không có văn bản để trình bày ý kiến, yêu cầu của mình liên quan đến

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xem như ông, bà không phải đối đối với yêu cầu này nên Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Hợp đồng tín dụng Ngân hàng và ông **Trần Minh C**, bà **Võ Thị M** được lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, không trái đạo đức xã hội, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, khi giao kết hợp đồng, ông **C**, bà **M** là người có đủ năng lực hành vi dân sự nên giao dịch trên giữa Ngân hàng ông **C**, bà **M** là hợp pháp. Nay ông **C**, bà **M** vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ.

[4] Để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng, ông **C** và bà **M** đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1551, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại: **ấp G, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng** theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 339785, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS03740 do **Sở TN&MT tỉnh S** cấp ngày 21/06/2022 tại hợp đồng thế chấp số 24159/22MN/HĐBĐ ngày 24/06/2022, và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 1552, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại: **ấp G, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng** theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 339790, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS03745 do **Sở TN&MT tỉnh S** cấp ngày 21/06/2022 tại hợp đồng thế chấp số 24159/22MN/HĐBĐ ngày 24/06/2022.

[5] Xét các hợp đồng thế chấp, hợp đồng này được các bên giao kết trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đảm bảo đầy đủ các yếu tố về chủ thể giao kết, nội dung, hình thức giao kết, tài sản thế chấp để bảo đảm nợ vay là thuộc quyền sử dụng của ông **Trần Minh C** và bà **Võ Thị M** nên các hợp đồng này được công nhận theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 167, Điều 179 Luật đất đai năm 2013; Điều 317, 318, 319, 320, 321, 323 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 39 của Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 về đăng ký biện pháp bảo đảm. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp ông **C**, bà **M** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là có căn cứ để chấp nhận.

[6] Hiện nay, thửa đất 1551, 1552 cùng tờ bản đồ số 9 do ông **Nguyễn Quốc H2** đang sử dụng, ông **H2** cho rằng giữa ông và ông **C**, bà **M** không có giao dịch gì (thuê mướn, cầm cố...) để chuyển giao quyền sử dụng và ông **Nguyễn Quốc H2** cũng đồng ý giao lại các thửa đất này cho cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

[7] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 117, 463, 466 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 6, Điều 7, khoản 1 Điều 8, Điều 12, Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông **Trần Minh C** và bà **Võ Thị M** có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi đã vay của hợp đồng tín dụng số 28180/22MN/HĐTD ngày 24/6/2022, tổng cộng là 2.983.609.220 đồng. Trong đó: Gốc: 2.600.000.000

đồng; Lãi trong hạn: 364.344.083 đồng; Lãi quá hạn: 19.265.137 đồng, (trong đó lãi quá hạn là 6.392.047 đồng và lãi chậm trả lãi là 13.468.088 đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi thi hành xong khoản nợ theo mức lãi suất của các hợp đồng tín dụng.

[8] Trường hợp ông **Trần Minh C** và bà **Võ Thị M** không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp bằng biện pháp yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách phát mại bán đấu giá tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp hợp đồng thế chấp số 24159/22MN/HĐBĐ ngày 24/06/2022 và hợp đồng thế chấp số 24159/22MN/HĐBĐ ngày 24/06/2022 để thu hồi nợ. Tài sản được quyền yêu cầu xử lý là quyền sử dụng đất của thửa đất số 1551, tờ bản đồ số 9 diện tích 6.686,3m² và thửa đất số 1552, tờ bản đồ số 9 diện tích 6.685,6m² cùng tọa lạc tại **ấp G, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng**

[9] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách như đã phân tích trên.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn ông **Trần Minh C** và bà **Võ Thị M** phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định là 72.000.000 đồng + (983.609.220đồng x 2%) = 91.672.184 đồng.

[12] Chi phí thẩm định tài sản thế chấp là 750.000 đồng, ông **Trần Minh C** và bà **Võ Thị M** phải chịu toàn bộ.

[13] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 227, 228, 238, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 117, 317, 318, 319, 320, 321, 323, 357, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 167, Điều 179 Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Điều 6, Điều 7, khoản 1 Điều 8, Điều 12, Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Điều 39 của Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 về đăng ký biện pháp bảo đảm.

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Buộc bị đơn ông **Trần Minh C** và bà **Võ Thị M** có nghĩa vụ liên đới trả cho **Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H** (thông qua **Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H - Chi nhánh S**, địa chỉ: **Số A T, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng**) số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 28180/22MN/HĐTD Ngày 24/6/2022 là 2.983.609.220 đồng. Trong đó: Gốc: 2.600.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 364.344.083 đồng; Lãi quá hạn: 19.265.137 đồng, (trong đó lãi quá hạn là 6.392.047 đồng và lãi chậm trả lãi là 13.468.088 đồng).

Kể từ ngày 24/8/2024, ông **Trần Minh C** và bà **Võ Thị M** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hai hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của **Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H** thì lãi suất mà ông **Trần Minh C** và bà **Võ Thị M** phải chịu theo bản án, quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất này.

1.2. Trường hợp ông **Trần Minh C** và bà **Võ Thị M** không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì **Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H** được quyền xử lý tài sản thế chấp bằng biện pháp yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách phát mại bán đấu giá tài sản thế chấp (theo hợp đồng thế chấp số 24159/22MN/HĐBĐ ngày 24/06/2022 và hợp đồng thế chấp số 24159/22MN/HĐBĐ ngày 24/06/2022) để thu hồi nợ. Tài sản được quyền yêu cầu xử lý là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1551, tờ bản đồ số 9 diện tích 6.686,3m², tọa lạc tại **ấp G, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng** theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 339785, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS03740 do Sở TN&MT tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 21/06/2022 và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1552, tờ bản đồ số 9, diện tích 6.685,6m² tọa lạc tại **ấp G, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng** theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 339790, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS03745 do **Sở TN&MT tỉnh S** cấp ngày 21/06/2022 tại hợp đồng thế chấp số 24159/22MN/HĐBĐ ngày 24/06/2022.

1.3. Buộc ông **Trần Minh C**, bà **Võ Thị M** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Nguyễn Quốc H2** có nghĩa vụ giao tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 1151, 1552 cùng tờ bản đồ số 9 nêu trên cho cơ quan có thẩm

quyền xử lý trong trường hợp thực hiện phát mại bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ của ông **Trần Minh C** và bà **Võ Thị M**.

Trường hợp phát mại tài sản trên mà không đủ thanh toán cho khoản vay thì ông **Trần Minh C** và bà **Võ Thị M** phải tiếp tục nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán hết khoản vay cho **Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H**.

Sau khi ông **Trần Minh C** và bà **Võ Thị M** thanh toán nợ đầy đủ cho **Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H** thì phía Ngân hàng có nghĩa vụ thực hiện các thủ tục xóa thế chấp tài sản của ông **Trần Minh C** và bà **Võ Thị M** đã thế chấp tại **Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H** theo quy định của pháp luật và hoàn trả cho ông **Trần Minh C** và bà **Võ Thị M** 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã thế chấp nêu trên.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông **Trần Minh C** và bà **Võ Thị M** phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 91.672.184 đồng.

Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 44.697.500 đồng từ Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005421 ngày 06/6/2024 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thu.

3. Chi phí thẩm định tài sản thế chấp là 750.000 đồng, ông **Trần Minh C** và bà **Võ Thị M** phải liên đới chịu toàn bộ. Do **Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H** đã đóng tạm ứng xong nên ông **Trần Minh C** và bà **Võ Thị M** có nghĩa vụ trả lại cho **Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H** số tiền 750.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt thời hạn này được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Tư